

Số: 222/QĐ-ĐHTCM

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy đại trà

Căn cứ Quyết định số 378/QĐ-TTg ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing giai đoạn 2015 – 2017;

Căn cứ Quyết định 1982/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định về lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Quyết định số 781/QĐ-ĐHTCM ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing về “Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài chính – Marketing”;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng phòng Quản lý khoa học và Trưởng khoa Kinh tế - Luật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy đại trà *chuyên ngành Quản lý kinh tế, thuộc ngành đào tạo Kinh tế, mã số 7310101*.

Điều 2. Chương trình được quy định tại Điều 1 được áp dụng, thực hiện từ khóa tuyển sinh năm 2020.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý khoa học và Trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /s. *HL*

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.QLKH.



HIỆU TRƯỞNG

TS. Hoàng Đức Long

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 922/QĐ-ĐHTCM, ngày 02 tháng 3 năm 2020
của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên chương trình : QUẢN LÝ KINH TẾ

Trình độ đào tạo : ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo : KINH TẾ

Tên tiếng Anh : ECONOMICS

Mã ngành : 7310101

Hình thức đào tạo : Chính quy

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế nhằm cung cấp cho xã hội đội ngũ lao động có phẩm chất chính trị vững vàng; nắm vững nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh; có đạo đức và sức khỏe tốt; có nền tảng kiến thức về kinh tế - xã hội vững chắc; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách và giải quyết linh hoạt các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kinh tế và quản lý; phát triển khả năng để học tập tiếp các bậc sau đại học và học tập suốt đời.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo Cử nhân chuyên ngành Quản lý kinh tế đào tạo những cử nhân kinh tế có các phẩm chất ưu việt trên các mặt cụ thể như sau:

1.2.1. Mục tiêu về kiến thức

Chương trình đào tạo này hướng đến mục tiêu cung cấp các khối kiến thức sau cho sinh viên:

STT	Kiến thức	Mức độ tiếp nhận của người học (Theo thang đo Bloom cải tiến)
1.	Kiến thức khoa học xã hội căn bản	3
2.	Kiến thức về toán – tin học – khoa học tự nhiên	3

3.	Kiến thức cơ sở về kinh tế học	4
4.	Kiến thức về tâm lý, hành vi, giao tiếp, đàm phán	4
5.	Kiến thức về quản trị, điều hành tổ chức kinh tế	4
6.	Kiến thức về kế toán, tài chính, tiền tệ và tín dụng	3
7.	Kiến thức về thị trường, marketing, kinh doanh	4
8.	Kiến thức chuyên ngành về quản lý kinh tế	4

Ghi chú: Thang đo Bloom cải tiến có 6 cấp độ: 1- Nhớ; 2- Hiểu; 3- Vận dụng; 4- Phân tích; 5- Đánh giá; và 6- Sáng tạo.

1.2.2. Mục tiêu về kỹ năng chuyên môn

Chương trình đào tạo những cử nhân Kinh tế chuyên ngành Quản lý kinh tế có các kỹ năng chuyên môn như sau:

STT	Kỹ năng	Mức độ tiếp nhận của người học (Theo thang đo Bloom)
1.	Kỹ năng thu thập thông tin, phân tích, dự báo phục vụ cho công tác ra quyết định trong quản lý kinh tế.	5
2.	Kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát và đánh giá chính sách kinh tế.	5
3.	Kỹ năng quản lý theo quá trình quản lý: lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát.	5
4.	Kỹ năng phân tích quyết định và sử dụng các công cụ hỗ trợ hiện đại cho các nhà quản lý.	5
5.	Kỹ năng ra quyết định, lập và quản lý chiến lược ở cấp địa phương trong nước và quốc tế.	4
6.	Kỹ năng phân tích chính sách, dự báo kinh tế, giải quyết các xung đột phát sinh trong quản lý kinh tế.	4
7.	Kỹ năng quản lý sự thay đổi và đổi mới, quản lý rủi ro.	5
8.	Kỹ năng tổ chức công việc, tổ chức bộ máy, và tổ chức nhân sự để thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức.	5
9.	Kỹ năng lãnh đạo, điều hành tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc theo nhiệm vụ hoặc theo kế hoạch đã định.	5

10.	Kỹ năng kiểm soát các hoạt động của tổ chức theo mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch.	5
11.	Có kỹ năng soạn lập các văn bản hành chính.	4
12.	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình, đàm phán.	4
13.	Các kỹ năng mềm	5

(Ghi chú: Thang đo Bloom cải tiến có 6 cấp độ: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; và 6-Sáng tạo).

1.3. Vị trí làm việc của sinh viên sau khi tốt nghiệp: Sau khi tốt nghiệp ngành Kinh tế, chuyên ngành Quản lý kinh tế sinh viên có cơ hội nghề nghiệp rất đa dạng:

- Sinh viên có thể là những chuyên gia phân tích chính sách, chuyên gia tư vấn, hoạch định chính sách kinh tế - xã hội, chuyên viên tác nghiệp trong các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, xã hội

- Sinh viên có thể trở thành những nhà kinh tế, tư vấn và dự báo kinh tế cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế hoặc các dự án cộng đồng trong các tổ chức trong nước và quốc tế.

- Sinh viên cũng có thể trở thành những chuyên gia nghiên cứu, làm việc trong các viện nghiên cứu, các trường đại học.

2. CHUẨN ĐẦU RA

(Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp Đại học phải đạt Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA
Kiến thức	K1. Hiểu và vận dụng được hệ thống tri thức khoa học về lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K2. Hiểu và vận dụng được các kiến thức toán học, tin học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế. K3. Hiểu và vận dụng được kiến thức về kinh tế học để giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế. K4. Hiểu và vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản

	trong lĩnh vực kinh tế - quản lý nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế. K5. Hiểu các nguyên lý của quản lý và vận dụng trong hoạt động quản lý kinh tế. K6. Hiểu các công cụ và phương pháp quản lý kinh tế và sử dụng các công cụ này để quản lý kinh tế trên bình diện quốc gia cũng như ở từng cơ quan, đơn vị, tổ chức kinh tế. K7. Hiểu và vận dụng tốt các công cụ quản lý trong thực tiễn hoạt động có liên quan đến lĩnh vực kinh tế và quản lý. K8. Hiểu các công cụ chính sách kinh tế và có thể vận dụng để phân tích, đánh giá tác động của chính sách kinh tế đến hoạt động quản lý kinh tế trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Có kỹ năng hoàn thành công việc đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết vào thực tiễn công việc quản lý kinh tế. S2. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực quản lý kinh tế. S3. Có kỹ năng thực hiện thành thạo các công cụ và phương pháp trong quản lý kinh tế. S4. Có năng lực phát triển nghề nghiệp, biết tự đánh giá, tự học, tự rèn luyện nhằm nâng cao năng lực bản thân. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. S5. Có khả năng tự chủ trong giải quyết vấn đề, khả năng nhận diện và giải quyết vấn đề; có khả năng thích ứng với sự thay đổi của môi trường.
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp. A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ (không kể giáo dục an ninh quốc phòng, giáo dục thể chất và kỹ năng mềm)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo quy chế tuyển sinh đại học cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO

Thực hiện quy trình đào tạo theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ (Ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT và Quy định tổ chức đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Tài chính - Marketing (Ban hành theo quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT của Hiệu trưởng trường ĐH Tài chính – Marketing).

7. ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Tích lũy đủ 121 tín chỉ (không kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh) và thỏa các điều kiện theo Quy định ở Điều 29, chương V, Quy định về tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ của trường, ban hành tại Quyết định số 1194/QĐ/ĐHTCM-QLĐT, ngày 19/7/2012; Quy định về chuẩn đầu ra của trường đối với bậc đại học hệ chính quy.

- Điều kiện về trình độ tin học: (Theo Thông báo số 1193/TB-ĐHTCM ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing Về việc hướng dẫn thực hiện Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học đối với sinh viên các khóa đào tạo bậc đại học hệ chính quy).

• Đối với các khóa đào tạo có chuẩn đầu ra áp dụng chứng chỉ A, B tin học: áp dụng một trong các điều kiện sau:

+ Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp.

+ Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

+ Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ ứng dụng CNTT cơ bản do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

+ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Chứng chỉ tin học trình độ A, B còn thời hạn giá trị do Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học của trường Đại học Tài chính – Marketing cấp hoặc do các Trung tâm đào tạo tin học thuộc các cơ sở đào tạo đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục Việt Nam cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

+ Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ A, B do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

- Đối với các khóa đào tạo có chuẩn đầu ra áp dụng chứng chỉ tin học MOS: áp dụng một trong các điều kiện sau: (Theo Thông báo số 1193/TB-ĐHTCM ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Marketing Về việc hướng dẫn thực hiện Chuẩn đầu ra tiếng Anh và tin học đối với sinh viên các khóa đào tạo bậc đại học hệ chính quy).

+ Chứng chỉ tin học văn phòng quốc tế MOS cấp độ Specialist (MS. Word, MS. Excel) do Microsoft cấp.

+ Bằng tốt nghiệp Đại học hoặc Cao đẳng ngành Công nghệ thông tin hay Hệ thống thông tin quản lý hệ chính quy hoặc hệ vừa làm vừa học.

+ Chứng nhận tin học đạt trình độ tương đương trình độ ứng dụng CNTT cơ bản do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức kiểm tra.

+ Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT) do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Điều kiện về trình độ tiếng Anh:

Chương trình đào tạo áp dụng	Cấp độ theo Khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR)	Cấp độ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	IELTS	TOEFL (PBT/CBT/iBT)	TOEIC	Kết quả kiểm tra tiếng Anh do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Chương trình	B1	3/6	4.0	437/130/41	405	Đạt trình độ tương

đại trà						đương chuẩn đầu ra tiếng Anh theo quy định của các chương trình đào tạo.
---------	--	--	--	--	--	--

Ghi chú:

- Các điểm số, cấp độ nêu trên là điểm số, cấp độ tối thiểu cần đạt được; điểm số tô đậm là điểm số của chứng chỉ tương ứng đã nêu trong nội dung chuẩn đầu ra.
- (1), (2): là các chứng chỉ xác nhận trình độ ngoại ngữ theo Khung tham chiếu chung châu Âu (CEFR) hoặc theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục công lập cấp theo sự cho phép của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- (3): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS do Hội đồng Anh, Đại học Cambridge, IDP-Úc cấp.
- (4), (5): là Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế TOEIC, TOEFL do Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (ETS) cấp qua đại diện tại Việt Nam – Trung tâm IIG Việt Nam.
- (6): Xác nhận đạt yêu cầu trình độ tiếng Anh theo quy định chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tại kỳ kiểm tra tiếng Anh do trường Đại học Tài chính – Marketing tổ chức.

- Có chứng chỉ Giáo dục an ninh quốc phòng;
- Có chứng chỉ Giáo dục thể chất;
- Kỹ năng mềm: 4/8 kỹ năng như sau:

Hoàn thành 2 trong 4 kỹ năng cần cho sinh viên trong việc học đại học:

- Kỹ năng thuyết trình
- Kỹ năng Làm việc nhóm
- Kỹ năng Quản lý thời gian
- Kỹ năng Tư duy sáng tạo

Hoàn thành 2/4 kỹ năng thuộc nhóm kỹ năng cần cho sinh viên trong làm việc

- Kỹ năng Giao tiếp
- Kỹ năng Giải quyết vấn đề
- Kỹ năng tìm việc
- Kỹ năng Khám phá bản thân và lập kế hoạch nghề nghiệp.

8. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

Thang điểm đánh giá kết quả học tập các học phần của sinh viên theo quy định ở Điều 22, Chương III tại Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT/ mã HP	Tên học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Số tín chỉ	Khối lượng kiến thức				Ghi chú
				LT	Thực hành tích hợp	TH tại PM, MP,DN	Tự học	
1. Kiến thức giáo dục đại cương								
1.1 Lý luận chính trị: 11 tín chỉ								
1	Triết học Mác - Lênin		3	32	8	5	90	
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin		2	20	8	2	60	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2	20	8	2	60	
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2	20	8	2	60	
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	20	8	2	60	
1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ								
6	Pháp luật đại cương		3	30	15	0	90	
1.3 Ngoại ngữ: 12 tín chỉ								
7	Anh văn căn bản 1		3	20	10	15	90	
8	Anh văn căn bản 2		3	20	10	15	90	
9	Anh văn căn bản 3		3	20	10	15	90	
10	Anh văn căn bản 4		3	20	10	15	90	
1.4 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường: 8 tín chỉ								

11	Toán cao cấp		4	30	15	15	90	
12	Tin học đại cương		4	30	15	15	90	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp								
2.1 Kiến thức cơ sở: 21 tín chỉ								
13	Kinh tế vi mô 1		3	30	15	0	90	
14	Kinh tế vĩ mô 1		3	30	15	0	90	
15	Nguyên lý kế toán		3	30	15	0	90	
16	Nguyên lý marketing		3	30	15	0	90	
17	Quản trị học		3	30	15	0	90	
18	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính 1		3	30	15	0	90	
19	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng		3	20	15	10	90	
2.2 Kiến thức ngành: 26 tín chỉ								
	Học phần bắt buộc							
20	Phân tích và Dự báo kinh tế		3	30	15	0	90	
21	Kinh tế đầu tư		3	30	15	0	90	
22	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT		3	30	15	0	90	
23	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT		3	30	15	0	90	
24	Kinh tế quốc tế		3	20	10	0	60	
25	Quản lý nhà nước về kinh tế		3	30	15	0	90	
26	Kinh tế phát triển		3	20	10	0	60	

27	Kinh tế công		3	30	15	0	90	
28	Thực hành nghề nghiệp 1		2	0	30	0	60	
2.3 Kiến thức chuyên ngành: 28 tín chỉ								
	Học phần bắt buộc							
29	Pháp luật về quản lý kinh tế		3	30	15	0	90	
30	Quản lý nguồn nhân lực		3	30	15	0	90	
31	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên		2	20	10		60	
32	Quản lý tổ chức kinh tế		3	30	15	0	90	
33	Thẩm định và quản lý dự án công		3	30	15	0	90	
34	Quản lý công		3	30	15	0	90	
35	Thực hành nghề nghiệp 2		2	0	30	0	60	
	Học phần tự chọn (Các môn tự chọn nên tạo thành từng nhóm theo vị trí việc làm): chọn 1 trong 2 nhóm							
	Nhóm 1							
36a	Quản lý đổi mới và sáng tạo		3	30	15	0	90	Chọn 1 trong 2 nhóm
37a	Quản lý chiến lược địa phương		3	30	15	0	90	
38a	Kế toán công		3	30	15	0	90	
	Nhóm 2							
36b	Quản lý rủi ro và khủng hoảng		3	30	15	0	90	Chọn 1 trong
37b	Marketing địa phương		3	30	15	0	90	

38b	Phân tích tài chính		3	30	15	0	90	2 nhóm
2.4 Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ								
39	Đàm phán trong QLKT		3	30	15	0	90	chọn 1 trong 2
	Quản lý hành chính văn phòng		3	30	15	0	90	
40	Kinh doanh quốc tế 1		3	30	15	0	90	chọn 1 trong 2
	Thương mại và công nghiệp hóa		3	30	15	0	90	
3. Tốt nghiệp: 6 tín chỉ								
41a	Khóa luận tốt nghiệp		6					
Hoặc								
41b1	Thực tập cuối khóa		3					
41b2	(Môn thay thế) Phân tích lợi ích chi phí		3	30	15	0	90	
Tổng			121					

10. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Năm 1

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Triết học Mác – Lênin	3			Dự kiến
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2		Triết học Mác – Lênin	Dự kiến
3	Toán cao cấp	4			Dự kiến
4	Tin học đại cương	4			Dự kiến
5	Kinh tế vi mô 1	3			Dự kiến
6	Kinh tế vĩ mô 1	3		Kinh tế vi mô	Dự kiến
7	Nguyên lý kế toán	3			Dự kiến
8	Nguyên lý marketing	3			Dự kiến
9	Quản trị học	3			Dự kiến
10	Pháp luật đại cương	3			Dự kiến
11	Anh văn căn bản 1	3			Dự kiến

12	Anh văn căn bản 2	3			Dự kiến
	Tổng	37			

Năm 2

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		Triết học Mác – Lênin	Dự kiến
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		Chủ nghĩa xã hội khoa học	Dự kiến
3	Kinh tế công	3		Kinh tế vĩ mô	Dự kiến
4	Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng	3		Toán cao cấp	Dự kiến
5	Anh văn căn bản 3	3			Dự kiến
6	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT	3		Kinh tế vi mô	Dự kiến
7	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT	3		Kinh tế vĩ mô 1	
8	Kinh tế quốc tế	3		Kinh tế vi mô	Dự kiến
9	Tiền tệ - ngân hàng và thị trường tài chính1	3			Dự kiến
10	Phân tích và dự báo kinh tế	3			Dự kiến
11	Anh văn căn bản 4	3			Dự kiến
12	Kinh tế phát triển	3		Kinh tế vĩ mô	Dự kiến
13	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên	2		Kinh tế vi mô	
14	Thực hành nghề nghiệp 1	2			Dự kiến
	Tổng	38			

Năm 3

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2			Dự kiến
2	Quản lý công	3		Quản trị học	Dự kiến
3	Pháp luật về quản lý kinh tế	3		Pháp luật đại cương	Dự kiến
4a	Quản lý đổi mới và sáng tạo	3			Dự kiến
5a	Quản lý chiến lược địa phương	3			Dự kiến
6a	Kế toán công	3		Nguyên lý kế	Dự kiến

				toán	
4b	Quản lý rủi ro và khủng hoảng	3			
5b	Marketing địa phương	3		Nguyên lý marketing	Dự kiến
6b	Phân tích tài chính	3			Dự kiến
7	Kinh doanh quốc tế 1	3			Dự kiến
	Thương mại và công nghiệp hóa				Dự kiến
8	Quản lý nhà nước về kinh tế	3			Dự kiến
9	Quản lý nguồn nhân lực	3			Dự kiến
10	Kinh tế đầu tư	3			Dự kiến
10	Quản lý tổ chức kinh tế	3			
11	Thẩm định và quản lý dự án đầu tư công	3			Dự kiến
12	Đàm phán trong QLKT	3			Dự kiến
	Quản lý hành chính văn phòng				Dự kiến
13	Thực hành nghề nghiệp 2	2			Dự kiến
	Tổng	40			

Năm 4 (1/2 năm)

STT	HỌC PHẦN	TC	ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	MÔN HỌC TRƯỚC	GHI CHÚ
1	Khóa luận tốt nghiệp (<i>hoặc</i>)	6			Dự kiến
	Thực tập cuối khóa (3 TC)				Dự kiến
	Phân tích lợi ích - chi phí (<i>môn thay thế</i>) 3 TC				
	Tổng số tín chỉ	6			

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

11.1. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

Sau khi kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt, Khoa sẽ phối hợp với Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Khảo thí, Phòng Quản lý chất lượng và các Phòng – Ban khác tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo theo kế hoạch từng năm và học kỳ. Hàng năm, Khoa sẽ xem xét hoàn chỉnh đề cương các học phần thuộc khoa quản lý trong các chuyên ngành của khoa, xây dựng các kế hoạch thực hành cho từng chuyên ngành và kế hoạch thực tập tốt nghiệp.

Khoa chịu trách nhiệm phân công giảng viên giảng, theo dõi nội dung giảng dạy phù hợp với yêu cầu đề cương học phần. Tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện theo đúng quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trong quá trình tổ chức thực hiện sẽ đề xuất những yêu cầu cần thiết về cơ sở vật chất và các phương tiện giảng dạy phục vụ cho quá trình đào tạo hoặc đề xuất những thay đổi về phương pháp giảng dạy thích nghi với tình hình thực tế.

11.2. Phương pháp đào tạo

– Kết hợp quá trình giảng dạy, hướng dẫn của giảng viên và tự đào tạo của sinh viên, đề cao và khuyến khích tính học tập và nghiên cứu của sinh viên. Áp dụng các phương pháp giảng dạy như: nêu vấn đề, bài tập tình huống, đề tài nhóm,.... Chú trọng đến thực hành các môn học chuyên ngành.

– Giảng viên phụ trách môn học xây dựng kế hoạch giảng dạy và có kế hoạch, phổ biến đến sinh viên để có hướng chuẩn bị học tích cực.

– Áp dụng các hình thức thực hành đa dạng cho các môn học thuộc khoa quản lý như:

1. Thảo luận: Giảng viên giảng dạy các nội dung cơ bản và mở rộng vấn đề, hướng dẫn tài liệu tham khảo, bài đọc thêm, đề nghị sinh viên đọc và tham gia thảo luận trên lớp hoặc bài viết.

2. Mời các Tổ chức báo cáo thực tế viết bài thu hoạch về Tổ chức.

3. Tổ chức thực hành theo nhóm nhỏ: thảo luận tình huống, khảo sát viết đề tài nhỏ,...

- Đánh giá kết quả học tập: Đánh giá kết quả học tập sẽ theo yêu cầu từng môn học theo kế hoạch Khoa đã duyệt, phù hợp với qui chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản của Trường.

12. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH (mỗi môn học có ghi rõ chuẩn đầu ra)

12.1. Triết học Mac-Lênin

❖ Môn học trước: Không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần còn trang bị cho người học thế giới quan và phương pháp luận triết học, bộ phận lý luận nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin; Nắm vững những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận triết học của chủ nghĩa Mác-Lênin vừa là điều kiện tiên quyết để nghiên cứu toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vừa là điều kiện cơ bản để vận dụng nó một cách sáng tạo trong hoạt động nhận thức và thực tiễn để giải quyết những vấn đề mà đời sống xã hội của đất nước, của thời đại đang đặt ra.

- ❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

- ❖ Môn học trước: Triết học Mac-Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về những vấn đề kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- ❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.3. CNXH khoa học

- ❖ Môn học trước: Triết học Mac-Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Nội dung trọng tâm của môn học đề cập đến những đặc trưng của CNXH khoa học, những vấn đề cơ bản của CNXH khoa học như vấn đề nhà nước, dân tộc, tôn giáo....

- ❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh

- ❖ Môn học trước: Triết học Mác - Lênin
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị cho người học về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể là: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, nhân văn

- ❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.5. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

- ❖ Môn học trước: Chủ nghĩa xã hội khoa học
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về lịch sử cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Qua đó xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

- ❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.6. Anh văn căn bản 1

- ❖ Môn học trước: Không
- ❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 1 (AVCB1) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được xây dựng dành cho sinh viên không chuyên ngữ đạt điểm

đầu vào tiệm cận trình độ A2 theo khung năng lực tiếng Anh CEFR (Common European Framework of Reference) (TOEIC $\geq$ 200), mở rộng vốn từ vựng về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, ôn luyện cấu trúc ngữ pháp sử dụng thường xuyên liên quan nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm...), luyện phát âm những từ, cụm từ và cách diễn đạt đã học, phát triển các kỹ năng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ sơ trung cấp (B1.1).

❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.7. Anh văn căn bản 2

❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 1

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 2 (AVCB 2) thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 1. Học phần cung cấp vốn từ vựng và ngữ pháp cơ bản để xử lý các tình huống giao tiếp thông dụng hằng ngày với nội dung có thể đoán trước, rèn luyện và phát triển các kỹ năng giao tiếp về các chủ đề môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu ở cấp độ sơ trung cấp theo Khung năng lực tiếng Anh CEFR.

❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.8. Anh văn căn bản 3

❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 2

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 3 (AVCB3) thuộc khối kiến thức đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 2. Học phần mở rộng vốn từ vựng và ngữ pháp để mô tả tình huống không thể đoán trước, diễn đạt mong muốn bản thân, thể hiện suy nghĩ về các vấn đề mang tính trừu tượng ở cấp độ tiệm cận trung cấp B1.3 theo Khung năng lực tiếng Anh CEFR.

❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.9. Anh văn căn bản 4

❖ Môn học trước: Anh văn căn bản 3

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần Anh văn căn bản 4 (AVCB4) thuộc khối kiến thức đại cương, được giảng dạy sau khi sinh viên hoàn thành học phần AVCB 3, giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng và kiến thức ngữ pháp để diễn đạt bản thân và giao tiếp về hầu hết các chủ đề đa dạng như gia đình, thói quen, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra, kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh tương đương trình độ trung cấp theo Khung Năng lực tiếng Anh CEFR.

❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.10. Toán cao cấp

❖ Môn học trước: Không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp kiến thức đại cương về tập hợp, quan hệ và logic suy luận, cũng như các kiến thức cơ bản về Đại số tuyến tính và Giải tích toán học thực sự cần thiết cho việc tiếp cận với các mô hình phân tích quá trình ra quyết định trong kinh tế và quản lý: Không gian vectơ; Ma trận và định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Hàm số và giới hạn; Phép tính vi phân đối với hàm số một biến; Hàm nhiều biến; Các bài toán cực trị; phép tính tích phân; Phương trình vi phân.

❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.11. Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng

❖ Môn học trước: Toán cao cấp.

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Phần lý thuyết xác suất giới thiệu tính quy luật của hiện tượng ngẫu nhiên và cách tính xác suất của biến cố ngẫu nhiên cùng các đặc trưng của biến ngẫu nhiên. Phần thống kê toán bao gồm các nội dung: Mẫu ngẫu nhiên, Ước lượng tham số của mẫu, kiểm định giả thuyết thống kê và ứng dụng trong nghiên cứu các vấn đề thực tế nói chung và các vấn đề kinh tế nói riêng.

❖ Chuẩn đầu ra: K2, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.12. Pháp luật đại cương

❖ Môn học trước: Không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà Nước và pháp luật, các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cũng như các kiến thức về cấu trúc, chức năng của bộ máy Nhà Nước Việt Nam, các quy định của ngành luật để người học có thể tham gia vào các quan hệ pháp luật một cách chủ động, hiệu quả.

❖ Chuẩn đầu ra: K1, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.13. Quản trị học

❖ Môn học trước: Không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Quản trị học xây dựng khung lý thuyết quản trị cho hoạt động chuyên ngành như: nhân lực, marketing, sản xuất, bán hàng... Môn học hình thành nền tảng kiến thức hoạch định, tổ chức, kiểm tra, đánh giá; thực hành những kiến thức cơ bản về quản trị và vận dụng các chức năng quản trị trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp. Môn học này tạo tiền đề, cơ sở cho người học trong việc đề xuất các phương án và cách giải quyết vấn đề của doanh nghiệp.

❖ Chuẩn đầu ra: K4, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.14. Pháp luật về Quản lý kinh tế

❖ Môn học trước: Pháp luật đại cương

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần trang bị các kiến thức pháp lý cơ bản liên quan đến việc phân cấp quản lý cũng như phạm vi điều chỉnh một số luật để người học tiếp cận với các môn học chuyên ngành liên quan đến pháp luật như Luật quản lý, sử dụng tài sản nhà nước; Luật quy hoạch; Luật đầu tư công; Luật doanh nghiệp; Luật các tổ chức tín dụng; Luật chứng khoán; Luật thuế; Luật đất đai ...

❖ Chuẩn đầu ra: K5, K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.15. Kinh tế vi mô 1

❖ Môn học trước: không

Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, nguyên tắc lựa chọn của các cá nhân trong nền kinh tế như người tiêu dùng và người sản xuất, cũng như cách ra quyết định phối hợp các yếu tố đầu vào của nhà sản xuất trong từng cấu trúc thị trường sao cho có hiệu quả nhất. Nhờ đó, sinh viên sẽ áp dụng để phân tích các vấn đề về kinh tế thị trường khi học các học phần tiếp theo.

Chuẩn đầu ra: K3, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.16. Kinh tế vĩ mô 1

❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1.

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này nhằm giới thiệu những chỉ tiêu cơ bản để đo lường tổng thể nền kinh tế như tổng sản phẩm nội địa, tổng thu nhập quốc gia, lạm phát, thất nghiệp, lãi suất thị trường, cán cân thanh toán, cán cân ngân sách, tỉ giá hối đoái, . . . và nghiên cứu chúng trong mối quan hệ tác động qua lại lẫn nhau. Từ đó, giới thiệu các chính sách mà chính phủ các quốc gia sử dụng để điều tiết nền kinh tế, như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ, chính sách ngoại thương, chính sách tỉ giá hối đoái..

❖ Chuẩn đầu ra: K3, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.17. Kinh tế vi mô ứng dụng trong quản lý kinh tế

❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này trang bị cho người học những kiến thức nâng cao về kinh tế học vi mô dùng để phân tích tác động đối với phúc lợi xã hội khi có những chính sách của chính phủ (như: thuế, trợ giá, hạn ngạch, . . .) tác động đối với thị trường, cũng đi sâu phân tích những thất bại của thị trường như: bất cân xứng thông tin, ngoại tác, hàng hóa công, chiến lược định giá khi có sức mạnh thị trường của các doanh nghiệp. Từ đó, giúp người học có khả năng hiểu và phân tích tác động của các chính sách đối với từng thị trường, để ra quyết sách.

❖ Chuẩn đầu ra: K5, K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.18. Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong quản lý kinh tế

❖ Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này nhằm giúp người học ứng dụng các lý thuyết kinh tế vĩ mô vào thực tế để hiểu và phân tích thực trạng của các nền kinh tế, cũng như sẽ giới thiệu các mô hình kinh tế được sử dụng để phân tích hiệu quả của các chính sách kinh tế vĩ mô trong thực tế. Từ đó, giúp người học có khả năng hiểu, phân tích và dự báo được tác động của các chính sách kinh tế vĩ mô trong đời thực, nhằm giúp cho nhà kinh tế, quản lý có cơ sở khoa học để ra quyết định.

❖ Chuẩn đầu ra: K5, K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.19. Kinh tế phát triển

❖ Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1.

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này giới thiệu cho người học các lý thuyết khác nhau về tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là nguyên lý kinh tế để phát triển trong điều kiện các nước đang phát triển. Từ đó, giúp người học có thể hiểu về mô hình tăng trưởng và phát triển kinh tế rất khác nhau ở các nền kinh tế, các quốc gia, cũng như các giải pháp xóa nghèo, để có thể ứng dụng, lựa chọn mô hình tăng trưởng kinh tế phù hợp với địa phương cụ thể.

❖ Chuẩn đầu ra: K5, K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.20. Kinh tế quốc tế

❖ Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này giới thiệu hệ thống các lý thuyết về thương mại quốc tế, các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh tế quốc tế như thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán, các định chế tài chính quốc tế, các hình thức liên kết quốc tế, cũng như ứng dụng các lý thuyết kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô để phân tích tác động của các chính sách thương mại quốc tế. Từ đó, người học có thể hiểu được những hiện tượng trong đời sống kinh tế thực, hiểu được tác động của xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế có thể ảnh hưởng như thế nào đối với từng doanh nghiệp, từng tổ chức, từng địa phương, từng quốc gia trong quá trình ra quyết định và thực thi.

❖ Chuẩn đầu ra: K5, K6, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.21. Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên

❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1.

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần nhằm giới thiệu cho người học một cách toàn diện sự hiểu biết về mối quan hệ giữa môi trường thiên nhiên và tăng trưởng kinh tế, giúp người học có thể phân tích được lợi ích và chi phí khi con người sử dụng nguồn tài nguyên thiên nhiên. Học phần cũng cung cấp một số các chính sách để quản lý việc sử dụng nguồn tài nguyên một cách hiệu quả trong quá trình tăng trưởng kinh tế. Từ đó, giúp

nhà quản lý kinh tế biết cách sử dụng tài nguyên một cách hiệu quả, và có ý thức bảo vệ môi trường thiên nhiên khi ra quyết sách.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.22. Marketing địa phương

❖ Môn học trước: *Nguyên lý Marketing*

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này nhằm cung cấp cho người học kiến thức về vai trò của marketing địa phương trong quản lý kinh tế. Đồng thời, nhằm cung cấp kỹ năng xây dựng chiến lược marketing địa phương theo chiến lược phát triển kinh tế quốc gia, và chiến lược phát triển địa phương, cũng như quá trình thực hiện, kiểm tra, quảng bá, thực thi chiến lược marketing địa phương nhằm xây dựng một hình ảnh, một thương hiệu cho địa phương trong quá trình quản lý kinh tế.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.23. Quản lý chiến lược địa phương

❖ Môn học trước: Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong quản lý kinh tế

- Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này giúp người học biết cách xem xét bối cảnh, lý thuyết, và các công cụ cần thiết cho sự phát triển địa phương trong thời đại thay đổi xu hướng lao động và toàn cầu hóa. Người học sẽ hiểu được lý thuyết kinh tế chính mà chính quyền địa phương có thể thúc đẩy sự đổi mới trong quá trình phát triển của địa phương. Ở học phần này, người học sẽ học cách áp dụng một loạt các công cụ phát triển các kịch bản kinh tế khác nhau, bao gồm cả chính sách thuế, chính sách tài chính và phi tài chính, và ưu đãi để xác định và xây dựng chiến lược phát triển địa phương nhằm đạt mục tiêu chung của quốc gia.

❖ Chuẩn đầu ra: K7; K8; S1; S2; S3; S4; A1; A2; A3; A4.

12.24. Thẩm định và quản lý dự án công

❖ Môn học trước: Kinh tế đầu tư

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này giới thiệu những kiến thức cơ bản về những nguyên tắc và kỹ thuật phân tích, đánh giá hiệu quả của dự án đầu tư công trên các khía cạnh tài chính, kinh tế, xã hội giúp tổ chức đưa ra quyết định lựa chọn phương án đầu tư hiệu quả và giảm thiểu rủi ro khi đưa ra quyết định đầu tư. Ngoài ra, học phần này cũng trang bị cho người học các tiêu chuẩn để đánh giá dự án và các quy tắc lựa chọn dự án đầu tư khả thi.

❖ Chuẩn đầu ra: K7; K8; S1; S2; S3; S4; A1; A2; A3; A4.

12.25. Quản lý nhà nước về kinh tế

❖ Môn học trước: không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học lý thuyết và công cụ để quản lý kinh tế ở địa phương, hay quốc gia. Học phần sẽ giúp người học nắm được vấn

đề chung về quản lý nhà nước về kinh tế, hiểu được những đặc trưng cơ bản; cơ chế, chức năng và nguyên tắc, phương pháp và công cụ về quản lý nhà nước về kinh tế để đảm bảo các nguồn lực của nền kinh tế phân bổ hợp lý và sự vận hành thông suốt của nền kinh tế giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương, của quốc gia trong xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế.

❖ Chuẩn đầu ra: K7; K8; S1; S2; S3; S4; A1; A2; A3; A4.

12.26. Kinh doanh quốc tế 1

❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh và hoạt động kinh doanh quốc tế. Bên cạnh những lý thuyết kinh doanh quốc tế cơ bản, sinh viên sẽ tìm hiểu về vấn đề kinh doanh toàn cầu, các nhân tố ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh quốc tế; ảnh hưởng của thị trường tài chính, và các tổ chức liên kết kinh tế đến hoạt động kinh doanh quốc tế ngày nay.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.27. Phân tích và Dự báo kinh tế

❖ Môn học trước: Lý thuyết Xác suất và thống kê ứng dụng.

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Sự phát triển và hội nhập của nền kinh tế Việt Nam đã thúc đẩy các nhà hoạch định kinh tế và quản lý kinh tế phải quan tâm nhiều hơn đến việc phân tích dữ liệu và dự báo ở nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt sự biến động của nhiều chỉ số kinh tế đã thúc đẩy phân tích và dự báo kinh tế trở thành hoạt động quan trọng trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế tài chính, quản lý. Nhu cầu dự báo kinh tế ở Việt Nam đang có xu hướng gia tăng bởi vì phân tích dự báo tốt có thể hỗ trợ đáng kể cho việc hình thành chính sách, kế hoạch, chiến lược cũng như nhiều quyết định hàng ngày của các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp. Chính vì vậy, các nhà quản lý tương lai cần được trang bị một nền tảng kiến thức cơ bản về phương pháp dự báo định lượng, kỹ thuật phân tích thống kê, kỹ năng sử dụng các phần mềm dự báo, phân tích dữ liệu thông dụng SPSS, evIEWS, stata...

❖ Chuẩn đầu ra: K7; K8; S1; S2; S3; S4; A1; A2; A3; A4.

12.28. Thực hành nghề nghiệp 1

❖ Môn học trước: không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Thực hành nghề nghiệp là một học phần bắt buộc trong qui trình đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành QLKT, trường Đại học Tài chính – Marketing, nhằm thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. THNN nhằm giúp SV có khả năng vận dụng lý thuyết đã học, từ đó đưa ra nhận xét và đề xuất những ý kiến cá nhân về các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý từng lĩnh vực cụ thể.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.29. Quản lý hành chính văn phòng

❖ Môn học trước: không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức chung trong lĩnh vực quản lý hành chính một văn phòng của doanh nghiệp. Học phần sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản cách thức tổ chức và điều hành một văn phòng doanh nghiệp. Ngoài các ra còn đề cập và trang bị một số kiến thức về các nghiệp vụ cơ bản của công tác hành chính văn phòng như, tổ chức sắp xếp nơi làm việc, hội họp, lưu trữ, soạn thảo văn bản.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.30. Đàm phán trong quản lý kinh tế

❖ Môn học trước: Quản trị học

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Môn học này cung cấp những phương pháp và kỹ năng đàm phán trong quản lý kinh tế phục vụ cho công việc trong môi trường quản lý như giao tiếp, tổ chức hội họp, thiết lập văn bản, thương lượng, thuyết trình, đàm phán với các tổ chức cung cấp dịch vụ công, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan quản lý nhà nước và với người dân nhằm mục đích cung cấp hiệu quả nhất dịch vụ công cho xã hội.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.31. Thương mại và công nghiệp hóa

❖ Môn học trước: Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần này giúp người học tìm hiểu các lý thuyết nền tảng trong việc xây dựng chính sách thương mại và công nghiệp hóa. Đồng thời, cung cấp thực tiễn kinh nghiệm xây dựng chính sách và phát triển thương mại, công nghiệp ở một số quốc gia, hay khu vực kinh tế. Từ đó, cung cấp cho người học kiến thức về mối quan hệ giữa chính sách thương mại và quá trình công nghiệp hóa ở các quốc gia mà đơn vị mình, hoặc địa phương mình có liên quan, để ra quyết sách đúng, kịp thời trong quản lý kinh tế.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.32. Quản lý rủi ro và khủng hoảng

❖ Môn học trước: Kinh tế đầu tư

❖ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này trang bị cho người học sự hiểu biết về vai trò của quản lý rủi ro và khủng hoảng trong hoạt động kinh tế; cũng như hiểu, phân tích và phân loại được bản chất của các loại rủi ro và khủng hoảng, từ đó có thể đưa ra các cách đo lường, nhận diện, kiểm soát, ngăn chặn rủi ro và khủng hoảng với ít thiệt hại nhất cho tổ chức. Một số rủi ro đặc thù như rủi ro hoạt động, rủi ro tỷ giá, rủi ro trong đầu tư,... cũng được giới thiệu trong học phần này để người học có thêm hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể về quản lý rủi ro.

- ❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.33. Kinh tế đầu tư

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần sẽ trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển kinh tế như xem xét các nguồn vốn và các giải pháp huy động các nguồn vốn đó cho đầu tư phát triển, xem xét các nội dung của vốn đầu tư và phân loại các hoạt động đầu tư nhằm đáp ứng các yêu cầu của quản lý và đầu tư phát triển có hiệu quả. Đồng thời, học phần cũng xem xét tới các nhân tố ảnh hưởng tới chi tiêu đầu tư và các nội dung đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.

- ❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.34. Kinh tế công

- ❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1

❖ Tóm tắt nội dung môn: Học phần này giới thiệu cách tiếp cận mọi vấn đề trong quản lý kinh tế dưới góc độ phân tích những chính sách quản lý kinh tế công sẽ ảnh hưởng như thế nào đến phúc lợi xã hội

- ❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.35. Thực hành nghề nghiệp 2

- ❖ Môn học trước: thực hành nghề nghiệp 1.

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Thực hành nghề nghiệp 2 là một học phần bắt buộc trong qui trình đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành QLKT, trường Đại học Tài chính – Marketing, nhằm thực hiện chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. THNN nhằm giúp SV có khả năng vận dụng lý thuyết để đánh giá, phân tích các lĩnh vực hoạt động quản lý cụ thể trong một tổ chức như quản lý nhân sự, quản lý tài chính, quản lý quy hoạch ...từ đó đưa ra nhận xét và đề xuất những ý kiến cá nhân về các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý từng lĩnh vực cụ thể.

- ❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.36. Phân tích lợi ích chi phí.

- ❖ Môn học trước: không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho người học các phương pháp và công cụ phân tích lợi ích chi phí để xác định lợi ích và chi phí của một chương trình, chính sách hoặc dự án để đánh giá dự án, chương trình, chính sách làm tăng hay giảm phúc lợi kinh tế của xã hội.

- ❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.37. Phân tích tài chính

❖ Môn học trước:

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên những phương pháp phân tích, cung cấp những nội dung cần phân tích, cũng như dự báo tài chính doanh nghiệp làm cơ sở ra quyết định phù hợp với mục tiêu của người phân tích.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.38. Kế toán công

❖ Môn học trước: Nguyên lý kế toán

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho người học những kiến thức về đặc điểm, nội dung và quy trình tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị công. Cụ thể môn học cung cấp kiến thức về kế toán tiền, kế toán tài sản cố định, kế toán thanh toán, kế toán nguồn kinh phí và kế toán thu chi trong các đơn vị tương ứng với từng cấp độ.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.39. Quản lý đổi mới sáng tạo

❖ Môn học trước: Quản trị học

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Quan trọng, nhằm khơi dậy tinh thần đổi mới và sáng tạo không ngừng hoạt động quản trị kinh doanh, đặc biệt trong thời đại 4.0; Vị trí học phần: quan trọng đối với toàn bộ các học phần của chương trình đào tạo quản trị kinh doanh; Các kiến thức sẽ trang bị cho học viên: mới và phù hợp với xu thế cách mạng công nghiệp 4.0.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.40. Quản lý tổ chức kinh tế

❖ Môn học trước: Quản trị học

❖ Tóm tắt nội dung học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý tổ chức kinh tế như ra quyết định quản lý; tổ chức, quản lý nhân sự, tài chính và điều hành các hoạt động của 1 tổ chức kinh tế trên cơ sở sử dụng những nguyên tắc dựa vào nghiên cứu khoa học, chiến lược và các phương pháp phân tích như mô hình toán để nâng cao năng lực liên quan đến việc ra quyết định quản lý hợp lý và hiệu quả.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.41. Quản lý công

❖ Môn học trước: Quản trị học, Quản lý tổ chức kinh tế

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Học phần cung cấp cho người học bản chất của quản lý công qua việc xem xét, so sánh các mô hình hành chính truyền thống và quản lý công mới; phân biệt khu vực công và tư; những cải cách và mô hình quản lý công trong các lĩnh vực quan trọng như nhân sự, tài chính, kết quả thực hiện, liên hệ với bối cảnh Việt

Nam; và nâng cao hiệu quả quản lý ở khu vực công có liên hệ với thực tiễn ở một số nước trên thế giới.

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.42. Quản lý nguồn nhân lực

❖ Học phần học trước: Quản trị học

❖ Nội dung tóm tắt học phần: Học phần cung cấp cho học viên lý thuyết và công cụ để quản lý và phát triển nguồn nhân lực của địa phương, của tổ chức trong quản lý kinh tế, từ hoạch định nguồn nhân lực, đến việc lập kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện, sử dụng nguồn nhân lực, việc xây dựng các chính sách khen thưởng và kỷ luật để giữ vững nguồn nhân lực. Đặc biệt, học phần còn thảo luận về chính sách quản lý nhân tài, dự toán kinh phí cho việc quản lý nguồn nhân lực cho địa phương, và các biện pháp quản lý rủi ro và bảo vệ nguồn nhân lực cho địa phương

❖ Chuẩn đầu ra: K7, K8, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.43. Nguyên lý kế toán

❖ Học phần học trước: Không

❖ Nội dung tóm tắt học phần: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kế toán: khái niệm, định nghĩa, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động kinh doanh căn bản của một đơn vị cụ thể. Các phương pháp kế toán được đề cập đến gồm: Chứng từ kế toán, kiểm kê, tính giá đối tượng kế toán, tài khoản, ghi sổ kép và tổng hợp cân đối kế toán. Những kiến thức nền tảng kế toán của học phần giúp cho người học có thể tiếp tục nghiên cứu sâu hơn về kế toán kiểm toán, đồng thời có thể vận dụng để hỗ trợ các lĩnh vực chuyên môn thuộc khối ngành kinh tế.

❖ Chuẩn đầu ra: K4, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4

12.44. Nguyên lý Marketing

❖ Môn học trước: Không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho người học các khái niệm cơ bản của marketing như khái niệm marketing, marketing mix, vấn đề đạo đức trong hoạt động marketing. Học phần đi sâu phân tích nội dung các hoạt động marketing (quá trình marketing) như phân tích môi trường marketing, phân tích hành vi khách hàng thông qua hoạt động nghiên cứu thị trường, chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing và các chiến lược bộ phận gồm chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá, chiến lược phân phối và chiến lược chiêu thị.

❖ Chuẩn đầu ra: K4, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.45. Tiền tệ - Ngân hàng & Thị trường tài chính 1

❖ Môn học trước: Kinh tế vi mô 1, Kinh tế vĩ mô 1

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho người học các thuật ngữ Tài chính – Tiền tệ - Ngân hàng như tiền, lãi suất, tỷ giá, tiền, lạm phát, vốn, các sản phẩm đầu tư tài chính. Cùng với các thị trường tài chính tiêu biểu gồm: Thị trường trái phiếu, Thị trường cổ phiếu, Thị trường tín dụng, Thị trường bảo hiểm, Thị trường tiền tệ ... Trên cơ sở đó sẽ giúp người học hiểu, mô tả và giải thích được các hiện tượng, sự kiện tài chính tiền tệ, liên hệ với các thị trường hàng hóa, dịch vụ thông qua diễn biến của các thông tin tài chính như: lãi suất, tỷ giá, tài chính công, các vấn đề hạn chế thanh toán không dùng tiền mặt... Từ đó người học có khả năng vận dụng để đánh giá tỷ suất sinh lợi của một khoản đầu tư; so sánh các cơ hội đầu tư; so sánh giữa lợi ích và rủi ro; so sánh giá trị đầu tư ở các mốc thời gian khác nhau; đưa ra các quyết định đầu tư cơ bản giữa trên các tín hiệu thị trường.

❖ Chuẩn đầu ra: K2, S1, S2, S3, S4, A1, A2, A3, A4.

12.46. Tin học đại cương

❖ Môn học trước: Không

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Trang bị cho sinh viên các khối kiến thức như sau: (1) Hệ điều hành Windows và các tiện ích của hệ điều hành; (2) Internet, các phương pháp tìm kiếm thông tin trên internet và quản lý hộp mail với Microsoft Outlook; (3) Soạn thảo văn bản với Microsoft Word; (4) Trình chiếu với Microsoft Powerpoint; (5) Xử lý bảng tính với Microsoft Excel.

❖ Chuẩn đầu ra: K2, S1, S2, S3, S4, S5, A1, A2, A3, A4

12.47. Chuyên đề thực tập (và khóa luận tốt nghiệp)

❖ Môn học trước:

❖ Tóm tắt nội dung môn học: Chuyên đề tốt nghiệp giúp cho sinh viên tiếp cận, nghiên cứu một đề tài cụ thể trong thực tiễn, hình thành tác phong nghiên cứu khoa học, có kiến giải độc lập về một đề tài cụ thể. Sinh viên chọn đề tài nghiên cứu độc lập; hoặc một mảng đề tài trong chương trình nghiên cứu khoa học của khoa Thuế - Hải quan.

Nếu đạt yêu cầu để làm khóa luận, sinh viên sẽ đào sâu nghiên cứu nâng báo cáo chuyên đề thực tập thành khóa luận tốt nghiệp; trường hợp ngược lại, sinh viên sẽ học môn học thay thế khóa luận.

❖ Chuẩn đầu ra: K7; K8; S1; S2; S3; S4; A1; A2; A3; A4.

13. MA TRẬN CHUẨN ĐẦU RA CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH

STT /mã HP	Tên học phần	Ma trận chuẩn đầu ra																
		kiến thức								kỹ năng					thái độ			
		K1	K2	K3	K4	K5	K6	K7	K8	S1	S2	S3	S4	S5	A1	A2	A3	A4
1. Kiến thức giáo dục đại cương																		
1.1 Lý luận chính trị: 11 tín chỉ																		
01	Triết học Mác - Lênin	X								X	X	X	X		X	X	X	X
02	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	X								X	X	X	X		X	X	X	X
03	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X								X	X	X	X		X	X	X	X
04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X								X	X	X	X		X	X	X	X
05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X								X	X	X	X		X	X	X	X
1.2 Khoa học xã hội: 3 tín chỉ																		
06	Pháp luật đại cương	X								X	X	X	X		X	X	X	X
1.3 Ngoại ngữ: 12 tín chỉ																		
07	Anh văn căn bản 1	X								X	X	X	X	X	X	X	X	X
08	Anh văn căn bản 2	X								X	X	X	X	X	X	X	X	X
09	Anh văn căn bản 3	X								X	X	X	X	X	X	X	X	X
10	Anh văn căn bản 4	X								X	X	X	X	X	X	X	X	X
1.4 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên – Công nghệ - Môi trường: 8 tín chỉ																		
11	Toán cao cấp		X							X	X	X	X		X	X	X	X
12	Tin học đại cương		X							X	X	X	X	X	X	X	X	X
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																		
2.1 Kiến thức cơ sở: 21 tín chỉ																		
13	Kinh tế vi mô I			X						X	X	X	X		X	X	X	X
14	Kinh tế vĩ mô I			X						X	X	X	X		X	X	X	X
15	Nguyên lý kế toán				X					X	X	X	X		X	X	X	X
16	Nguyên lý marketing				X					X	X	X	X		X	X	X	X
17	Quản trị học				X					X	X	X	X		X	X	X	X
18	Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường tài chính I				X					X	X	X	X		X	X	X	X
19	Lý thuyết xác		X							X	X	X	X		X	X	X	X

	suất và thống kê ứng dụng																		
2.2 Kiến thức ngành: 26 tín chỉ																			
20	Phân tích và dự báo kinh tế					X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	
21	Kinh tế đầu tư					X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	
22	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT					X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	
23	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT					X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	
24	Kinh tế quốc tế					X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	
25	Kinh tế công					X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	
26	Quản lý nhà nước về kinh tế					X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	
27	Kinh tế phát triển		X			X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	
28	Thực hành nghề nghiệp					X	X			X	X	X	X		X	X	X	X	
2.3 Kiến thức chuyên ngành: 28 tín chỉ																			
Học phần bắt buộc (19 tín chỉ)																			
29	Pháp luật về Quản lý kinh tế							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
30	Quản lý nguồn nhân lực							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
31	Quản lý tổ chức kinh tế							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
32	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
33	Thẩm định và quản lý dự án công							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
34	Quản lý công							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
35	Thực hành nghề nghiệp 2							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
Học phần tự chọn (9 tín chỉ) chọn 1 trong 2																			
36a	Quản lý đổi mới và sáng tạo							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
37a	Quản lý chiến lược địa phương							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
38a	Kế toán công							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
36b	Quản lý rủi ro và khủng hoảng							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	
37b	Marketing địa							X	X	X	X	X	X		X	X	X	X	

	phương																
38b	Phân tích tài chính							X	X	X	X	X	X		X	X	X
2.4 Kiến thức bổ trợ ngành: 6 tín chỉ (chọn một trong hai môn học)																	
39	Đàm phán trong QLKT							X	X	X	X	X	X		X	X	X
	Quản lý hành chính văn phòng							X	X	X	X	X	X		X	X	X
40	Thương mại và công nghiệp hóa							X	X	X	X	X	X		X	X	X
	Kinh doanh quốc tế 1							X	X	X	X	X	X		X	X	X
3. Tốt nghiệp: 6 tín chỉ																	
41a	Khóa luận tốt nghiệp							X	X	X	X	X	X		X	X	X
<i>Hoặc</i>																	
41b1	Thực tập cuối khóa							X	X	X	X	X	X		X	X	X
41b2	Phân tích lợi ích chi phí (môn thay thế)							X	X	X	X	X	X		X	X	X

14. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (xem Phụ lục 1)

15. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO (xem Phụ lục 2)

TP.HCM, ngày tháng năm 2020

TRƯỜNG KHOA *me*



TS Hoàng Đức Long

TS. Đặng Thị Ngọc Lan



PHỤ LỤC 1

**ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN TRONG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

STT	HỌ VÀ TÊN, NĂM SINH	HỌC VỊ, NĂM CÔNG NHẬN	NGÀNH/ CHUYÊN NGÀNH	MÔN HỌC GIẢNG DẠY	GHI CHÚ
I. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN KIẾN THỨC ĐẠI CƯƠNG, KIẾN THỨC CƠ SỞ VÀ KIẾN THỨC NGÀNH					
1	Phạm Lê Quang, 1960	Tiến sĩ, 2010	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
2	Lại Văn Nam, 1973	Thạc sĩ, 2006	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
3	Nguyễn Minh Hiền, 1972	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị	
4	Kinh Thị Tuyết, 1974	Thạc sĩ, 2004	Luật	Pháp Luật Đại cương, Soạn thảo Văn Bản, Luật Kinh tế	
5	Trần Văn Bình, 1972	Thạc sĩ, 2005	Luật	Pháp Luật Đại cương, Soạn thảo Văn Bản, Luật Kinh tế	
6	Đặng Chung Kiên, 1979	Thạc sĩ, 2006	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
7	Lê Văn Dũng, 1981	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
8	Bùi Minh Nghĩa, 1982	Thạc sĩ, 2014	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
9	Đàm Thị Hằng, 1982	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế Chính trị	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị	
10	Mạch Ngọc Thủy, 1977	Thạc sĩ, 2004	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị	
11	Ngô Quang Thịnh	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế Chính trị	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Chính trị	
12	Đặng Hữu Sửu, 1962	Thạc sĩ, 2003	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Chính trị	
13	Đỗ Thị Thanh Huyền, 1985	Thạc sĩ,	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa	

		2010		học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị	
14	Hoàng Thị Mỹ Nhân, 1986	Thạc sĩ, 2013	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam, Chính trị	
15	Lê Thị Hoài Nghĩa, 1985	Thạc sĩ, 2013	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị	
16	Nguyễn Huy Hoàng, 1964	Tiến sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...	
17	Nguyễn Văn Phong, 1980	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
18	Trần Kim Thanh, 1957	Tiến sĩ, 2000	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
19	Trần Lộc Hùng, 1954	Phó Giáo sư TS	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
20	Nguyễn Tuấn Duy, 1984	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
21	Ngô Thái Hưng, 1983	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng...	
22	Võ Thị Bích Khuê, 1982	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
23	Nguyễn Đức Bằng, 1981	Thạc sĩ, 2006	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
24	Nguyễn Trung Đông, 1980	Thạc sĩ, 2008	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
25	Phạm Thị Thu Hiền, 1979	Thạc sĩ, 2007	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế	

				lượng,...	
26	Nguyễn Vũ Dzũng, 1978	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
27	Dương Thị Phương Liên, 1975	Thạc sĩ, 2002	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
28	Trần Mạnh Tường, 1974	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
29	Lê Trường Giang, 1989	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng,...	
30	Vũ Anh Linh Duy, 1979	Thạc sĩ, 2010	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
31	Nguyễn Quyết,	Tiến sĩ, 2018	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
32	Nguyễn Bá Thanh, 1976	Thạc sĩ, 2005	Toán	Kinh tế vi mô. Kinh tế vĩ mô, kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT...	
33	Phạm Việt Huy, 1979	Thạc sĩ, 2005	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
34	Phan Trí Kiên, 1981	Thạc sĩ, 2012	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
35	Lê Thị Ngọc Hạnh, 1986	Thạc sĩ, 2013	Toán	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
36	Nguyễn Thị Hồng Vân, 1985	Thạc sĩ, 2014	Cử Nhân Toán, Ths. QTKD	Toán Cao Cấp, Lý thuyết xác suất Thống kê Toán, Kinh tế lượng, Lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng ...	
37	Lê Thị Bích Thảo, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
38	Tô Thị Đông Hà, 1974	Thạc sĩ,	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật	

		2003		Kinh tế,....	
39	Phạm Thị Nguyệt Sương, 1981	Thạc sĩ, 2008	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
40	Nguyễn Thị Thái Thuận, 1978	Thạc sĩ, 2006	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
42	Thái Thị Tường Vi, 1981	Thạc sĩ, 2011	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
43	Hồ Thị Thanh Trúc, 1989	Thạc sĩ, 1989	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
44	Ngô Thị Duyên, 1988	Thạc sĩ, 2015	Luật	Pháp Luật Đại Cương, Luật Kinh tế,....	
45	Đoàn Ngọc Phúc, 1975	Tiến sĩ, 2017	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô, kinh tế phát triển, kinh tế đầu tư...	
46	Phan Ngọc Yến Xuân, 1989	Thạc sĩ, 2015	Kinh tế	Quản lý chiến lược địa phương, kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô, kinh tế đầu tư	
47	Hoàng Thị Xuân, 1987	Thạc sĩ, 2014	Kinh tế	Phân tích và dự báo kinh tế, Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
48	Nguyễn Thị Hảo, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,...	
49	Nguyễn Thị Quý, 1983	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô, kinh tế quốc tế	
50	Ngô Thị Hồng Giang, 1983	Thạc sĩ, 2010	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô, quản lý tài sản công	
51	Lại Thị Tuyết Lan, 1980	Thạc sĩ, 2009	Kinh tế	Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô, quản lý tổ chức kinh tế...	
52	Phạm Thị Vân Anh, 1977	Thạc sĩ, 2012	Kinh tế	Quản lý nguồn nhân lực, Kinh tế vi mô, Kinh tế Vĩ mô,	
53	Trần Hạ Long, 1978	Thạc sĩ, 2012	Triết học	Triết, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Kinh tế chính trị, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
54	Vũ Văn Quế, 1972	Thạc sĩ, 2011	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	
55	Nguyễn Thái Hà, 1986	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
56	Nguyễn Nam Phong, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
57	Nguyễn Anh Tuấn, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
58	Ngô Thị Thu, 1962	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
59	Ngô Vũ Quỳnh Thi, 1976	Thạc sĩ	Kinh doanh	Nguyên lý Marketing	

			và QL		
60	Nguyễn Ngọc Bích Trâm, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
61	Trần Nhật Minh, 1975	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
62	Ninh Đức Cúc Nhật, 1987	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
63	Nguyễn Thị Minh Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
64	Ngô Minh Trang, 1974	Thạc sĩ	Quản trị chuyên nghiệp	Nguyên lý Marketing	
65	Nguyễn Đông Triều, 1983	Thạc sĩ	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý Marketing	
66	Trịnh Thị Hồng Minh, 1988	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Nguyên lý Marketing	
67	Huỳnh Trị An, 1983	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
68	Nguyễn Ngọc Hạnh, 1979	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
69	Nguyễn Thị Thoa, 1986	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý Marketing	
70	Nguyễn Thị Thúy, 1989	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
71	Lâm Ngọc Thùy, 1985	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý Marketing	
72	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt, 1982	Tiến sĩ	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý Marketing	
73	Đặng Huỳnh Phương, 1989	Thạc sĩ	Marketing	Nguyên lý Marketing	
74	Trần Hằng Diệu, 1989	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
75	Nguyễn Thị Nga Dung, 1986	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
76	Thái Trần Văn Hạnh, 1977	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
77	Nguyễn Minh Hằng, 1988	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
78	Lê Quang Mẫn	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
79	Vương Thị Thanh Nhân, 1985	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
80	Phạm Thị Kim Thanh, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
81	Nguyễn Hà Minh Thi, 1985	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
82	Ngô Thị Mỹ Thúy, 1973	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
83	Chu Thị Thương, 1984	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nguyên lý kế toán	
84	Lê Văn Tuấn, 1977	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
85	Dương Hoàng Ngọc Khuê, 1980	Tiến sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
86	Ngô Nhật Phương Diễm, 1978	Thạc sĩ	Kinh tế	Nguyên lý kế toán	
87	Nguyễn Thị Kiều Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	

88	Nguyễn Thị Ngọc Oanh, 1991	Thạc sĩ	Kế toán	Nguyên lý kế toán	
89	Ung Hiền Nhã Thi, 1988	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Nguyên lý kế toán	
90	Trần Văn Trung, 1977	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
91	Phạm Thị Thanh Xuân, 1981	Tiến sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
92	Vũ Thanh Tùng, 1984	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
93	Chu Thị Thanh Trang, 1986	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
94	Nguyễn Xuân Dũng, 1990	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
95	Lê Thị Ngọc Phượng, 1984	Thạc sĩ		Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
96	Trần Thị Thanh Nga, 1987	Thạc sĩ	Tài chính – Ngân hàng	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
97	Nguyễn Thị Bảo Ngọc, 1988	Thạc sĩ	Kinh tế	Tiền tệ, ngân hàng và Thị trường tài chính 1	
98	Trương Xuân Hương, 1985	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
99	Nguyễn Thị Trần Lộc, 1984	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
100	Tôn Thất Hòa An, 1962	Tiến sĩ	Kỹ sư	Tin học đại cương	
101	Lâm Hoàng Trúc Mai, 1987	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
102	Phạm Thủy Tú, 1985	Thạc sĩ	Hệ thống thông tin	Tin học đại cương	
103	Trương Đình Hải Thụy, 1974	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Tin học đại cương	
104	Nguyễn Thanh Trường, 1971	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
105	Trần Thanh San, 1970	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
106	Trần Trọng Hiếu, 1966	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
107	Trần Anh Sơn, 1971	Thạc sĩ	Tài chính Bảo hiểm	Tin học đại cương	
108	Võ Xuân Thê, 1970	Thạc sĩ	Tin học	Tin học đại cương	
109	Nguyễn Huy Khang, 1974	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	Tin học đại cương	
110	Nguyễn Quốc Thanh, 1978	Thạc sĩ	Truyền dữ liệu và mạng máy tính	Tin học đại cương	
111	Huỳnh Ngọc Thành Trung, 1976	Thạc sĩ	Khoa học máy tính	Tin học đại cương	
112	Nguyễn Thanh Bình, 1983	Thạc sĩ	Đảm bảo	Tin học đại cương	

			toán học cho máy tính và hệ thống tính toán		
113	Lê Thị Kim Thoa, 1979	Thạc sĩ	Kế toán	Tin học đại cương	
114	Đinh Nguyễn Thúy Nguyệt, 1988	Thạc sĩ	Kỹ thuật	Tin học đại cương	
115	Nguyễn Ngọc Trân Châu, 1974	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6 Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
16	Nguyễn Thị Châu Ngân, 1979	Tiến sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
117	Nguyễn Thị Tuyết Anh, 1980	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
118	Phạm Thị Thùy Trang, 1975	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
119	Nguyễn Thị Bội Ngọc, 1971	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh Quản lý Giáo dục	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
120	Nguyễn Thị Công Dung, 1972	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
121	Nguyễn Thị Kim Ba, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
122	Chu Quang Phê, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
123	Nguyễn Thị Thúy An, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
124	Bùi Thị Nhi, 1977	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
125	Lê Xuân Quỳnh Anh, 1982	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
126	Võ Thị Anh Đào, 1979	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
127	Mai Văn Thống, 1963	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
128	Lê Thị Thanh Trúc, 1976	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
129	Nguyễn Ngọc Tuyền, 1965	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
130	Nguyễn Thị Tuyết Mai, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
131	Đặng Nguyễn Phương Thảo, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
132	Huỳnh Nguyên Thư, 1988	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
133	Võ Thị Ánh Nguyệt, 1976	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
134	Nguyễn Thị Xuân Chi, 1983	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
135	Nguyễn Thị Diễm, 1983	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
136	Võ Thị Kim Cúc, 1989	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
137	Đỗ Khoa, 1989	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
138	Dương Thị Thu Hiền, 1984	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
139	Đoàn Quang Định, 1977	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
140	Nguyễn Thị Hằng, 1985	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	

141	Phan Thị Hiền, 1980	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
142	Trần Thúy Quỳnh My, 1988	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
143	Nguyễn Văn Hân, 1987	Thạc sĩ NCS	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
144	Nguyễn Thị Thanh Huyền, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
145	Phạm Thị Ngọc Lan, 1987	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
146	Trần Thế Khoa, 1993	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
147	Phan Văn Quang, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn căn bản 1, 2, 3, 4	
148	Nguyễn Thị Nguyễn, 1990	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Anh văn 1, 2, 3, 4, 5,6	
149	Cảnh Chí Hoàng, 1977	Tiến sĩ			
150	Phạm Thị Ngọc Mai, 1978	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	Quản trị học	
151	Trần Nhân Phúc, 1979	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
152	Trần Thế Nam, 1977	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	
153	Nguyễn Thị Minh Trâm, 1972	Thạc sĩ	Kinh tế	Quản trị học	
154	Trần Văn Hưng, 1980	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN PHỤC VỤ GIẢNG DẠY CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH

155	Trần Văn Bình	Thạc sĩ	Luật	Pháp luật về Quản lý kinh tế	
157	Phan Ngọc Yến Xuân,	Thạc sĩ	Kinh tế học, chính sách công	Quản lý công	
158	Nguyễn Võ Huệ Anh,	Thạc sĩ	Tâm lý học	Đàm phán trong quản lý kinh tế	
159	Trần Văn Hưng	Tiến sĩ	Kinh tế học	Quản lý nguồn nhân lực	
160	Nguyễn Thị Quý	Thạc sĩ	Kinh tế học	Kinh tế môi trường và quản lý tài nguyên	
161	Ngô Thị Hồng Giang	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản lý tổ chức kinh tế	
162	Nguyễn Văn Vẹn	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Quản lý đổi mới và sáng tạo	
163	Trần Nguyễn Ngọc Anh Thư	Phó giáo sư, tiến sĩ	Kinh tế học	Quản lý chiến lược địa phương	
164	Trần Thị Hồng Vân	Tiến sĩ	Kế toán	Kế toán công	
165	Cảnh Chí Hoàng	Tiến sĩ	Kinh tế	Quản lý rủi ro và khủng hoảng	

166	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Marketing địa phương	
167	Nguyễn Thị Nhân	Thạc sĩ	Hành chính	Quản lý hành chính văn phòng	
168	Nguyễn Xuân Hiệp	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Kinh doanh quốc tế 1	
169	Đoàn Thanh Tịnh,	Tiến sĩ	Kinh tế	Thương mại và công nghiệp hóa	
170	Hồ Thủy Tiên	Phó giáo sư, tiến sĩ	Tài chính – ngân hàng	Phân tích tài chính	



PHỤ LỤC 2

ĐIỀU KIỆN VÀ CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO

1. Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Số T T	Loại phòng học (phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học chuyên dụng)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần
1	Phòng máy thực hành (306-Nguyễn Trọng Tuyến, Quận Tân Bình)	10	668,8	Máy tính	467	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
2	Phòng học ML (343/4)	4	217	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
2	Phòng học ML (CS 02)	54	3.500	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
3	Phòng học thường (CS 02)	23	2.188	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
4	Phòng đa năng (CS 02)	4	189	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
5	Phòng học ML (778NK)	23	1.979	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
6	Phòng học thường (778NK)	25	1.223	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
7	Phòng thực hành (778NK)	1	86	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
8	Phòng học ML (CS Q9)	20	1.516	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
9	Phòng học thường (CS Q9)	50	4.712	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết

10	Phòng thực hành (CS Q9)	10	1.248	Máy tính	389	Phục vụ các học phần có thực hành trên máy tính
11	Phòng đa năng (CS Q9)	1	104	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
12	Phòng học thường (CS TXS-B)	6	420	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
13	Phòng Lab tiếng Anh (CS TXS-B)	3	270	Máy tính	147	Phục vụ các học phần tiếng Anh
14	Phòng thực hành CS TXS-B)	4	360	Máy tính	172	Phục vụ các học phần thực hành trên máy tính
15	Phòng đa năng (CS TXS-B)	5	240	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành
16	Phòng học ML (CS TXS-A)	45	4.815	Máy chiếu	1	Phục vụ các môn học lý thuyết
17	Phòng đa năng (CS TXS-A)	1	43	Máy chiếu	1	Phục vụ các học phần lý thuyết, thực hành

12.

2. Thư viện, giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

2.1 Thư viện

- Tổng diện tích thư viện: 2.080 m², trong đó có 1.300 m² là diện tích phòng đọc.
Thư viện được đặt tại các cơ sở:
 - o Cơ sở 1: 2/4 Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7.
 - o Cơ sở 2: 2C Phổ Quang, Phường 2, Quận Tân Bình.
 - o Cơ sở 3: B2/1A Đường 385, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9.
- Số chỗ ngồi: 300; Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 101
- Phần mềm quản lý thư viện: PSC Zlis 7.0
- Đã có thư viện điện tử, đã kết nối với các cổng thông tin điện tử như:
 - o Cổng thông tin Cục Thông tin Khoa học và Công nghệ.
 - o Cơ sở dữ liệu sách điện tử IGP.

- Cơ sở dữ liệu kết quả nghiên cứu quốc gia.
- Ebooks của Nhà xuất bản Tổng hợp.
- Cơ sở dữ liệu điện tử Proquest.
- Tài liệu tham khảo tại thư viện:
 - Số lượng đầu sách dạng in: 14.413; bao gồm sách tiếng Anh và tiếng Việt.
 - Tài liệu học tập các môn cơ sở và chuyên ngành du lịch, khách sạn, nhà hàng: 389 nhan đề /1733 bản.
 - Số lượng tựa tạp chí: 41.
 - Số lượng đầu sách, tài liệu điện tử:
 - Luận văn Thạc sỹ: 2.057 tựa; Chuyên đề tốt nghiệp: 70 tựa;
 - Tài liệu nghiên cứu khoa học: 12 tựa; Bài giảng: 54 tựa;
 - Tài liệu thuê quyền truy cập từ NXB Tổng hợp: 300.

.2.2 Giáo trình, sách, tài liệu tham khảo

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
1	Kinh tế vi mô	C. Guell Robert, Nguyễn Đăng Dung dịch	Tổng hợp Đồng Nai	2011	5	Kinh tế vi mô 1
2	Kinh tế vi mô ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp	Edwin Mansfield; Đoàn Thị Mỹ Hạnh, Vũ Việt Hằng, Trần Văn Hùng dịch.	Trường Đại học Kinh tế	2013	5	Kinh tế vi mô 1
3	Những chủ đề kinh tế học hiện đại (kinh tế vi mô - kinh tế vĩ mô - kinh tế phát triển)	Robert C. Guell , Nguyễn Văn Dung dịch.	Tổng hợp Đồng Nai	2009	7	Kinh tế vĩ mô 1
4	Principles of Macroeconomics	Gregory N. Mankiw	Cengage Learning	2014	5	Kinh tế vĩ mô 1
5	Macroeconomics	Paul Krugman, Robin Wells.	Worth Publishers	2015	3	Kinh tế vĩ mô 1

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
6	Principles of Marketing	Kotler, Amstrong	Pintice Hall	2014	5	Marketing căn bản
7	Marketing - an introduction (global ed.), 11th ed.	Armstrong, G., Kotler P.	Pearson Education	2006	3	Marketing căn bản
8	Giáo trình Luật kinh tế	Lê Văn Hung... [và nh.ng. khác].	Kinh tế	2012	10	Luật Kinh tế
9	Giáo trình nguyên lý thống kê kinh tế : ứng dụng trong kinh doanh và kinh tế (statistics for business and economics)	Hà Văn Sơn	Thống kê	2010	10	Nguyên lý thống kê kinh tế
10	Multinational financial management	Alan C. Shapiro, University of Southern California.	Wiley	2014	6	Tài chính - tiền tệ
11	International financial management	Jeff Madura	Cengage Learning	2018	5	Tài chính - tiền tệ
12	Accounting Principles, 12th Ed. (Text Book)	Jerry J. Weygandt, Paul D. Kimmel, Donald E. Kieso	Willey and Sons Inc	2016	5	Nguyên lý kế toán
13	Những chủ đề kinh tế học hiện đại: kinh tế phát triển = Issues in economics today: development economics	Robert C. GGuell, Nguyễn Văn Dung dịch.	Nxb. Tổng hợp Đồng Nai	2009	4	Kinh tế phát triển
14	Kinh tế phát triển	Nguyễn Trọng Hoài	Kinh tế	2013	5	Kinh tế phát triển
15	Giáo trình thương mại quốc tế : Lý thuyết và bài tập có lời giải, lý thuyết và chính sách hội nhập kinh tế quốc tế	Đinh Thị Liên, Trương Tiến Sĩ, Nguyễn Xuân Đạo	Lao động - Xã hội	2011	10	Kinh tế quốc tế
16	Quan hệ kinh tế quốc tế	Võ Thanh Thu	Lao động - Xã hội	2012	10	Kinh tế quốc tế

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
17	Kinh tế đầu tư	Trần Văn Phụng	Tài Chính	2002	1	Kinh tế đầu tư
18	Giáo trình kinh tế đầu tư	Nguyễn Bạch Nguyệt, Từ Quang Phương	Thống kê	2003	9	Kinh tế đầu tư
19	Kinh tế vi mô ứng dụng trong quản trị doanh nghiệp	Edwin Mansfield ; Đoàn Thị Mỹ Hạnh, Vũ Việt Hằng, Trần Văn Hùng dịch.	Trường Đại học Kinh tế	2013	5	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT
20	Microeconomics	Robert S. Pindyck, Daniel L. Rubinfeld.	Pearson	2018	5	Kinh tế vi mô ứng dụng trong QLKT
21	Kinh tế học vĩ mô - Principles of Macroeconomics	Gregory N. Mankiw	Cengage Learning	2014	5	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT
22	Macroeconomics	Paul Krugman, Robin Wells.	Worth Publishers	2015	3	Kinh tế vĩ mô ứng dụng trong QLKT
23	Giáo trình tài chính công và phân tích chính sách thuế	Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hòa	Trường Đại học Kinh tế	2010	5	Chính sách công
24	Giáo trình Thuế	PGS. TS. Phan Thị Cúc, ThS. Trần Phước, ThS. Nguyễn Thị Mỹ Linh.	Thống Kê	2008	5	Thuế
25	Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế	Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu	Lao động - Xã hội	2005	5	Quản lý nhà nước về kinh tế
26	Kinh tế học của khu vực công	Joseph E. Stiglitz	Norton & Co	2000	5	Quản lý nhà nước về kinh tế
27	Nghệ thuật đàm phán	Nguyễn Thị Thu		2008	5	Đàm phán trong quản lý kinh tế
28	Các quy định pháp luật về địa vị pháp lý của các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế tại Việt Nam		Lao động - Xã hội	2004	5	Quản lý tổ chức kinh tế

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
29	Các mô hình tăng trưởng và dự báo kinh tế: Lý thuyết và thực nghiệm	Nguyễn Thị Cảnh	Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh,	2004	4	Phân tích và Dự báo kinh tế
30	Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Trương Thị Minh Sâm chủ biên ... [et. al]	Khoa học xã hội	2000	3	Thương mại và công nghiệp hóa
31	Công nghiệp hóa ở NIES Đông Á và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	Lê Bàn Thạch, Trần Thị Tri	Thế giới	2000	3	Thương mại và công nghiệp hóa
32	Lựa chọn sản phẩm và thị trường trong ngoại thương thời kỳ công nghiệp hóa của các nền kinh tế Đông Á	Nguyễn Trần Quế chủ biên	Chính trị quốc gia	2000	5	Thương mại và công nghiệp hóa
33	Tài liệu tham khảo : Môi trường quốc tế cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	Nguyễn Thế Lực, Nguyễn Hoàng Giáp.	Hà Nội	2000	1	Thương mại và công nghiệp hóa
34	Giáo trình quản lý tài chính các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công	Phạm Văn Khoan	Học viện Tài Chính	2010	10	Tài chính công 1
35	Tài chính công : Sách tham khảo	Nguyễn Thị Cảnh ... [et. al].	Đại học quốc gia TP. HCM	2003	5	Tài chính công 1
36	Tài chính công	Michel bouvier; Marie-Christine Esclassan; Lý Văn Anh... dịch.	Chính trị quốc gia	2005	2	Tài chính công 1
37	Public finance	Harvey S. Rosen, Ted Gayer.	McGraw-Hill Education	2014	5	Tài chính công 1
38	Multinational financial management	Alan C. Shapiro, University of Southern California.	Wiley	2014	6	Tài chính quốc tế
39	Foundation of multinational financial management	Alan C. Shapiro	John Wiley & Sons	2005	3	Tài chính quốc tế

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
40	Tài chính quốc tế	Lê Văn Tư, Nguyễn Quốc Khanh	Lao động - Xã hội	2004	16	Tài chính quốc tế
41	PR - Lý luận & ứng dụng	Đinh Thị Thúy Hằng chủ biên	Lao động - Xã hội	2012	5	Marketing hiện đại và PR
42	Sáng tạo chiến dịch PR hiệu quả (Planning and managing public relations campaigns)	Anne Gregory	Trẻ	2017	10	Marketing hiện đại và PR
43	This is PR - The realities of public relations	Doug Newsom, J.V. Turk, D. Kruckeberg	Thomson	2004	1	Marketing hiện đại và PR
44	Project management for business professionals	Knutson Joan	Wiley Publishing	2006	2	Thẩm định và quản lý dự án
45	Project management	Studies Case, Kerzner Harold	Wiley Publishing	2006	2	Thẩm định và quản lý dự án
46	Hướng dẫn thực hiện Luật quản lý, sử dụng tài sản công : quy định mới về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị hành chính sự nghiệp công lập và tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước	Bộ Tài chính	Tài chính	2018	8	Quản lý tài sản công
47	Marketing địa phương của Thành phố Hồ Chí Minh	Hồ Đức Hùng; Nguyễn Đông Phong, Nguyễn Trọng Hoài.	Văn Hóa Sài Gòn	2005	8	Marketing địa phương và PR
48	PR - Lý luận & ứng dụng	Đinh Thị Thúy Hằng chủ biên	Lao động - Xã hội	2012	5	Marketing địa phương và PR
49	Tài liệu hướng dẫn về phát triển kinh tế địa phương – LED	Viện nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương – CIEM		2010		Quản lý chiến lược địa phương
50	Khung phân tích năng lực cạnh tranh địa phương.	Vũ Thành Tự Anh	Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright	2011		Quản lý chiến lược địa phương

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
51	Hướng dẫn lập kế hoạch chiến lược phát triển địa phương theo phương pháp mới	Bộ Kế hoạch và Đầu tư và UNICEF		2013		Quản lý chiến lược địa phương
52	Cải cách dịch vụ công ở Việt Nam	Lê Chi Mai	Chính trị quốc gia	2003	6	Quản lý chất lượng dịch vụ công
53	Project management for business professionals	Knutson Joan	Wiley Publishing	2006	2	Thẩm định và quản lý dự án công
54	Project management	Studies Case, Kerzner Harold	Wiley Publishing	2006	2	Thẩm định và quản lý dự án công
55	Chính sách đô thị : tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị	Võ Kim Cương	Xây dựng	2013	10	Quản lý đô thị
56	Đô thị hóa và tăng trưởng	Spence Micheal, Annez Patricia Clarke, Buckley Robert M.	Dân Trí	2010	1	Quản lý đô thị
57	Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	Nguyễn Thế Bá ch.b	Xây dựng	2013	10	Quản lý đô thị
58	Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành ở thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa	Trương Thị Minh Sâm chủ biên ... [et. al]	Khoa học xã hội	2000	3	Thương mại và công nghiệp hóa
59	Công nghiệp hóa ở NIEs Đông Á và bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam	Lê Bàn Thạch, Trần Thị Tri	Thế giới	2000	3	Thương mại và công nghiệp hóa
60	Đầu tư tài chính	Phan Thị Bích Nguyệt	Thống kê	2006	2	Đầu tư tài chính
61	Business Finance	CPA program	BPP Learning Media	2012	3	Phân tích tài chính
62	Giáo trình quản lý tài chính các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công	Phạm Văn Khoan	Học viện Tài Chính	2010	10	Quản lý tài chính công

STT	Tên Giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản	Sử dụng cho học phần
63	Giáo trình lý thuyết quản lý tài chính công	Phạm Văn Khoan, Hoàng Thị Thúy Nguyệt.	Tài chính	2010	20	Quản lý tài chính công
64	Chính sách đô thị : tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị	Võ Kim Cương	Xây dựng	2013	10	Quy hoạch sử dụng đất đai
65	Đô thị hóa và tăng trưởng	Spence Micheal, Annez Patricia Clarke, Buckley Robert M.	Dân Trí	2010	1	Quy hoạch sử dụng đất đai
66	Quy hoạch xây dựng phát triển đô thị	Nguyễn Thế Bá ch.b	Xây dựng	2013	10	Quy hoạch sử dụng đất đai
67	Hướng dẫn thực hành ghi chép ctài khoản kế toán và sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp	Bùi Văn Dương; Trần Thế Vinh, Trần Phú Tài	Thống Kê	2007	7	Kế toán hành chính sự nghiệp
68	Hướng dẫn thực hành kế toán hành chính sự nghiệp, sự nghiệp có thu và lập báo cáo tài chính	Trần Thị Duyên	Tài Chính	2007	5	Kế toán hành chính sự nghiệp